CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 2

Ngày 31/03/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -100%
YoY: ▼0.17| -100%

LN thuần
Q1/25
-0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06| 13.2%
YoY: ▲ 0.16| 29.9%

LN sau thuế
Q1/25
-0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06| 13.2%
YoY: ▲ 0.17| 31.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-49.1%
YoY: +/-▼ 2.0%

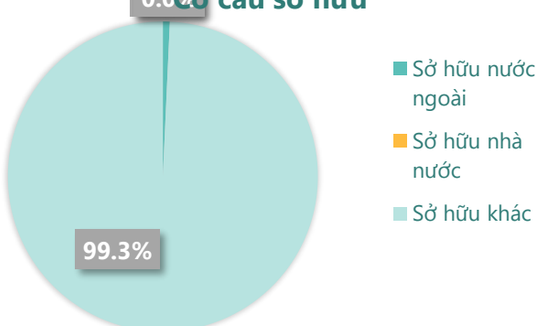
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
Số lượng CPLH (CP)	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	
EPS	-577
P/E	-17.3

DT thuần
2024
0.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.25| -65.2%

LN thuần
2024
-1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.74| 56.1%

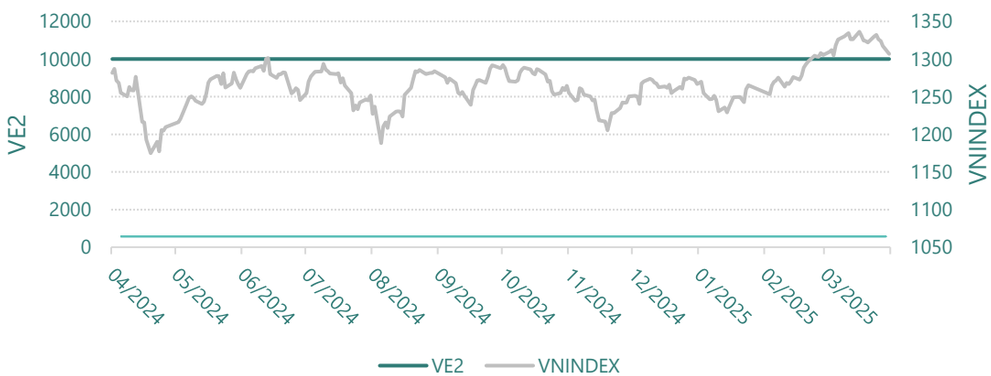
LN sau thuế
2024
-1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.81| 56.8%

Cơ cấu sở hữu

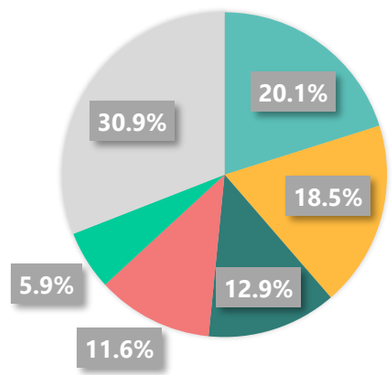


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

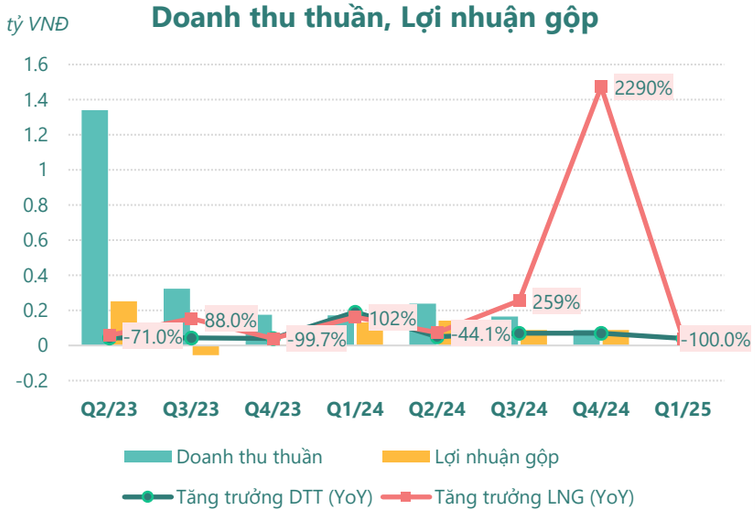


- Phan Thúy Phương (Thành viên HĐQT)
- Chung Việt Hà (Trưởng ban kiểm soát)
- Khuất Văn Đăng
- Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đậu Thảo
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

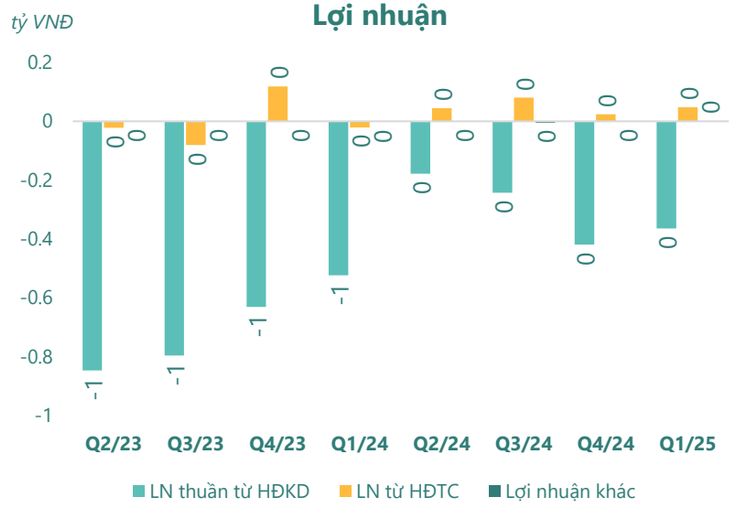
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



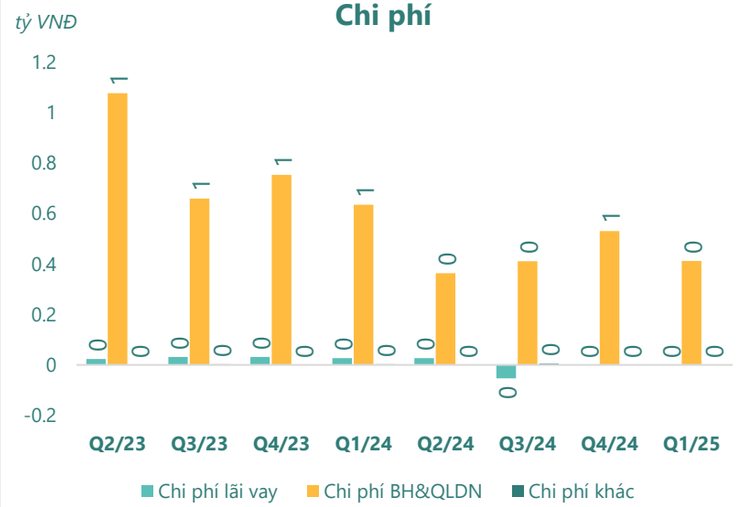
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



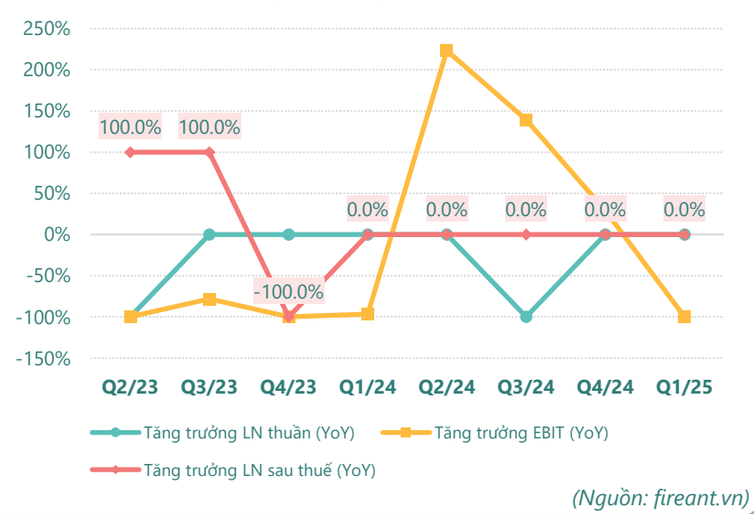
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



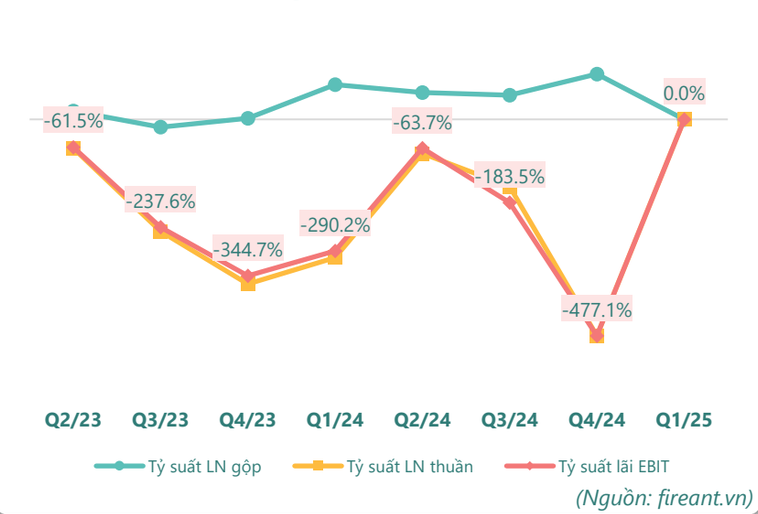
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



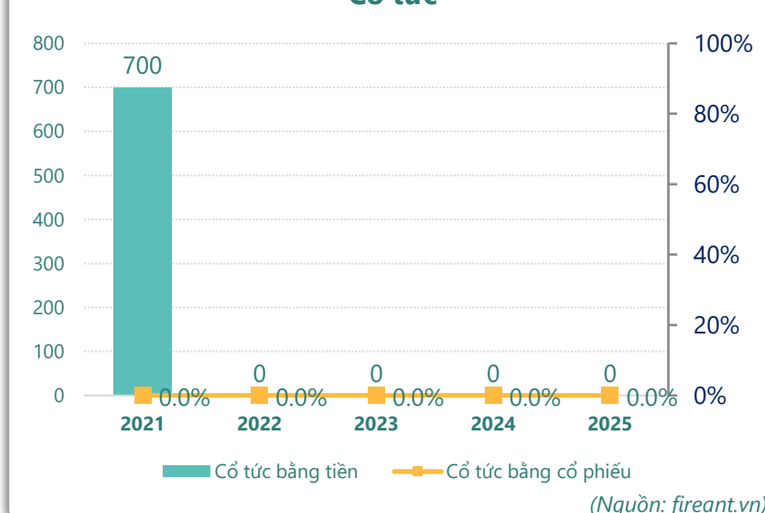
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



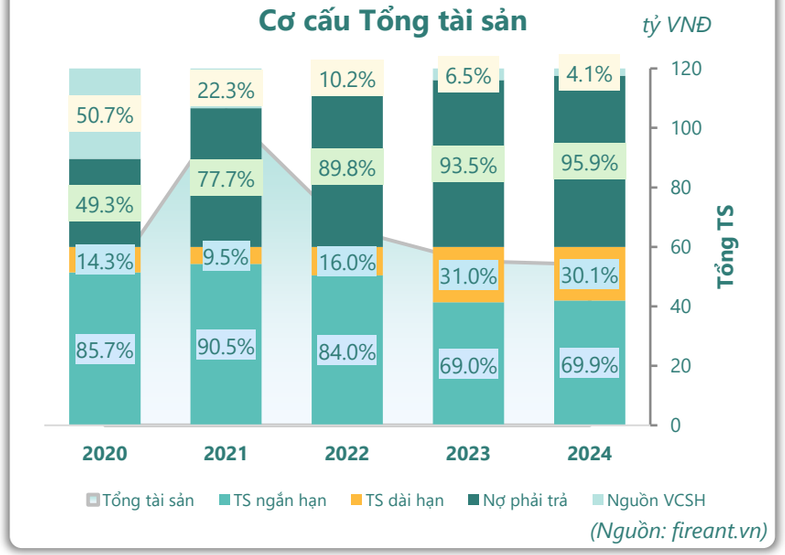
(Nguồn: fireant.vn)

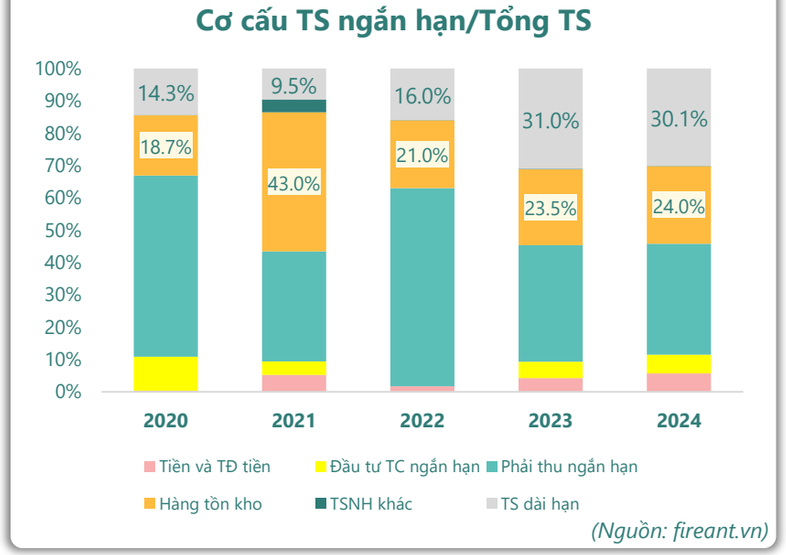
Cổ tức

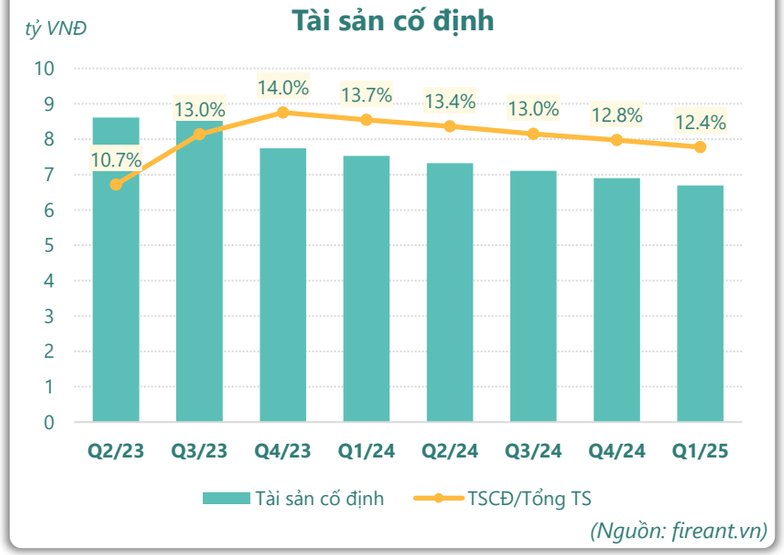


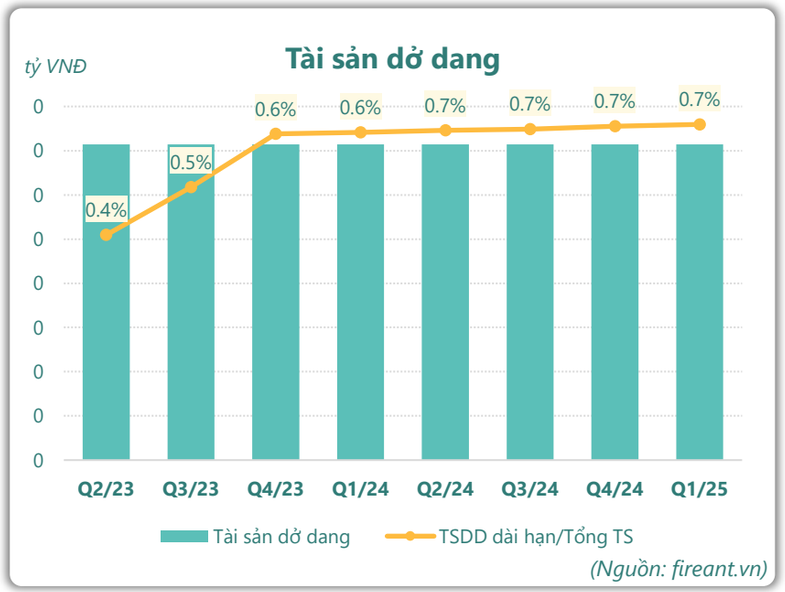
(Nguồn: fireant.vn)

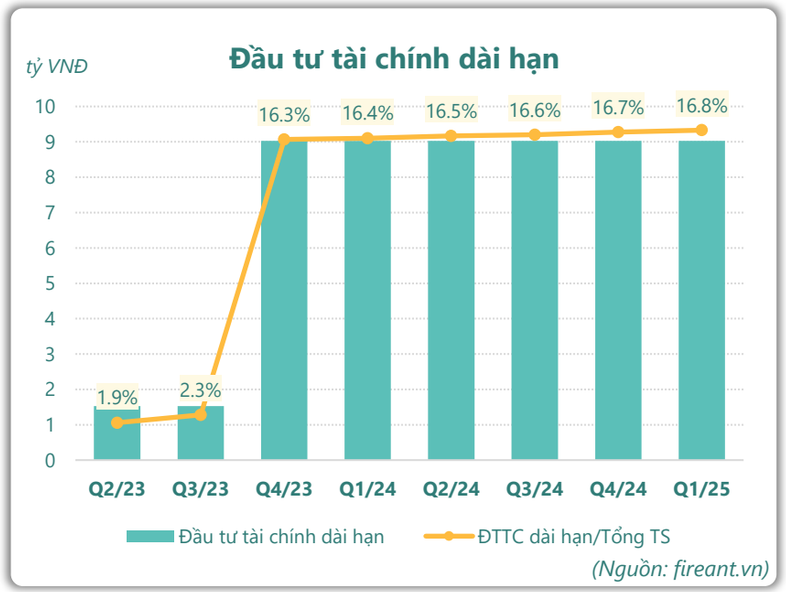
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

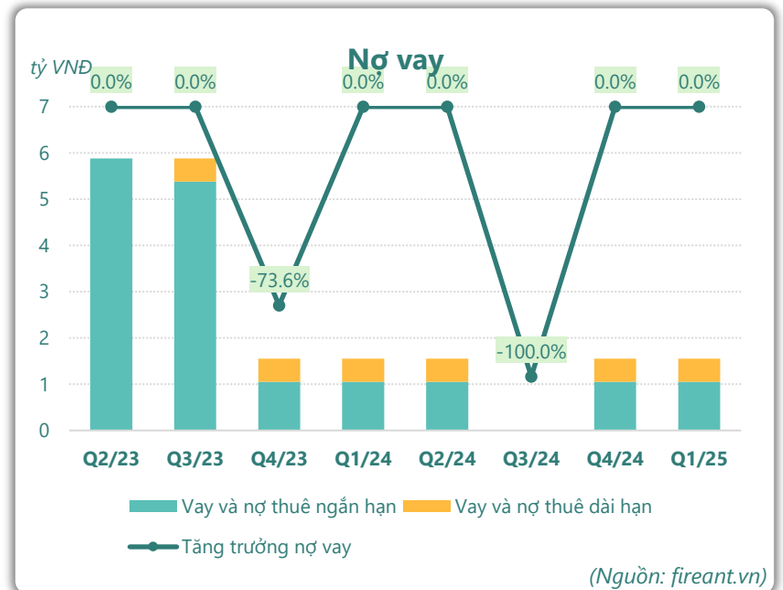






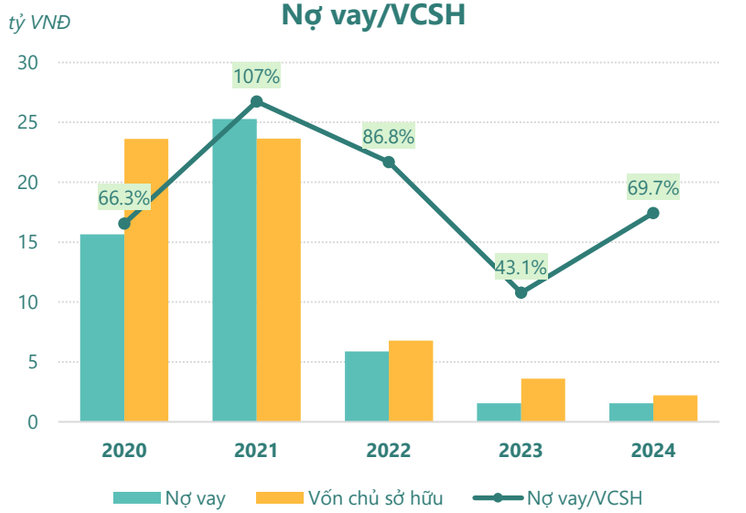






HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



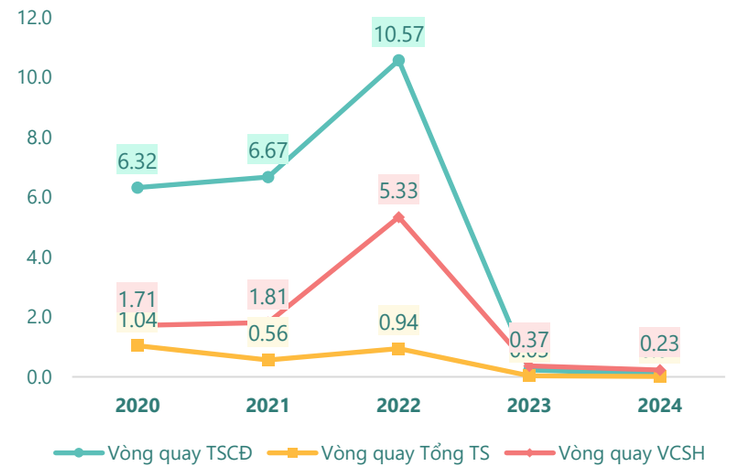
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



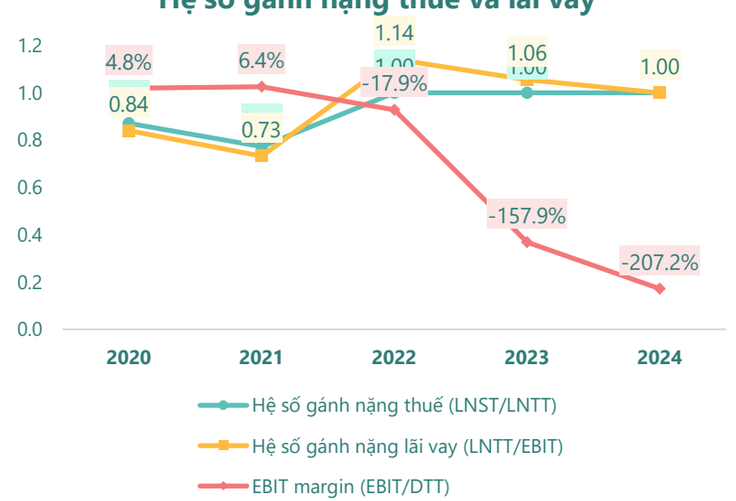
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



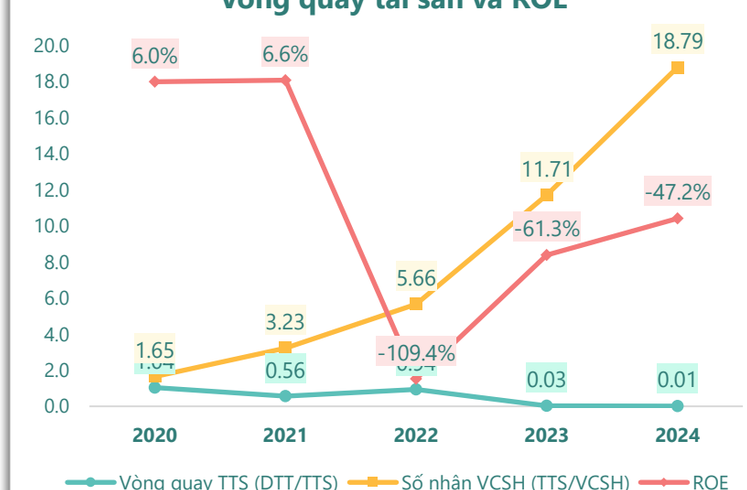
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



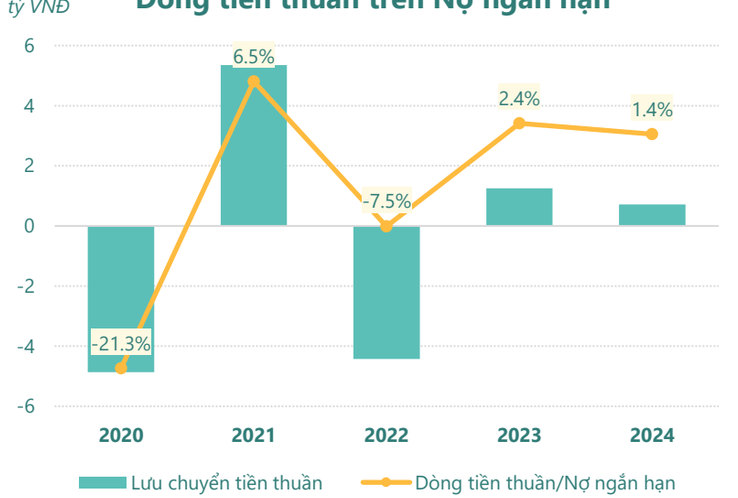
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.17**	**-100%**	**0.66**	**1.91**	**-65.2%**
Giá vốn hàng bán	0	0.04	-100%	0.21	1.64	-87.0%
Lợi nhuận gộp	0	0.13	-100%	0.45	0.27	68.8%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.01	382%	0.13	0.17	-22.5%
Chi phí TC	0.00	0.03	-99.8%	0.00	0.25	-99.9%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0	0.17	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.41**	**0.64**	**-35.5%**	**1.94**	**3.29**	**-41.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.36	-0.52	29.9%	-1.37	-3.11	56.1%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.01**	**-0.07**	**89.6%**
LN trước thuế	-0.36	-0.53	31.2%	-1.37	-3.18	56.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.36**	**-0.53**	**31.2%**	**-1.37**	**-3.18**	**56.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.36**	**-0.53**	**31.2%**	**-1.37**	**-3.18**	**56.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.8	0.92	-0.88	0.41	0.82	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.8	-0.84	0.54	-0.33	0.08	-0.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.33	2.35	2.43	2.09	2.17	3.07
Lưu chuyển tiền thuần	**0.02**	**0.07**	**-0.34**	**0.08**	**0.91**	**-1.15**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.35	2.43	2.09	2.17	3.07	1.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**53.7**	**54.1**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	37.7	37.8	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	1.93	3.07	-37.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.15	3.15	31.7%
Phải thu ngắn hạn	18.6	18.5	0.3%
Hàng tồn kho	13.0	13.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	-6.3%
Tài sản dài hạn	**16.1**	**16.3**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.69	6.90	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-51.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.9	51.8	0.1%
Nợ ngắn hạn	**51.3**	**51.2**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.05	1.05	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Nợ dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1.86**	**2.22**	**-16.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1.86**	**2.22**	**-16.4%**
Vốn điều lệ	21.6	21.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)